

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG ĐẠO CONTAINER

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30

11
CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG ĐẠO CONTAINER



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301411035 ngày 30/10/2000 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 13 vào ngày 04/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 62 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đầu tư là 149.598.790.000 VND

Số lao động tại ngày 31/12/2015 là: 182 người

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Hùng	Chủ Tịch
Ông Dương Công Phùng	Phó chủ Tịch Thành viên
Ông Phan Văn Hiếu	
Bà Trần Thị Xuân Thảo	Thành viên
Bà Dương Thị Hà	Thành viên
Bà Dương Thị Hằng	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Huỳnh Thị Kim Ngân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
Bà Lê Thị Hồng Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Công Phùng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Hiếu	

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.

DƯƠNG CÔNG PHÙNG

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Số: 077/BCKT2015-DFK

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Quý cổ đông

Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container (“Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 30 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán..

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0182-2013-042-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



LÊ ĐÌNH HUYỀN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1756-2013-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. Tài sản ngắn hạn	100		306.656.244.785	252.074.891.822
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	4.327.163.962	7.485.683.001
1. Tiền	111		4.327.163.962	7.485.683.001
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		87.016.133.237	46.755.499.333
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	83.693.401.229	24.096.564.012
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	713.358.821	5.973.505.118
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	5.156.085.792	18.172.129.194
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(2.546.712.606)	(1.554.251.755)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	67.552.764
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.06	212.584.648.662	189.913.178.133
1. Hàng tồn kho	141		212.584.648.662	189.913.178.133
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		2.728.298.924	7.920.531.355
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	19.113.611	133.993.940
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.709.168.489	7.786.520.591
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		16.824	16.824
B. Tài sản dài hạn	200		44.244.410.252	74.332.728.001
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		1.419.774.357	1.211.861.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		207.913.356	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	1.211.861.000	1.211.861.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		41.867.063.850	71.446.860.950
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	24.104.025.597	41.800.474.061
- Nguyên giá	222		63.488.290.279	85.648.326.696
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.384.264.682)	(43.847.852.635)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09	11.183.317.326	13.553.569.317
- Nguyên giá	225		17.946.521.302	19.399.321.024
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.763.203.976)	(5.845.751.707)
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	6.579.720.927	16.092.817.572
- Nguyên giá	228		9.191.169.335	19.918.894.887
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.611.448.408)	(3.826.077.315)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	-
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		957.572.045	1.674.006.051
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	957.572.045	1.674.006.051
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		350.900.655.037	326.407.619.823

Các thuyết minh kèm theo từ trang 08 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. Nợ phải trả	300		236.430.248.029	213.278.734.628
I. Nợ ngắn hạn	310		221.166.048.029	193.836.197.649
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	103.691.794.775	64.785.186.652
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	975.056.299	3.166.811.544
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	17.088.083.486	20.885.363.399
4. Phải trả người lao động	314		2.454.137.056	3.810.196.422
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		852.135	129.520.734
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	15.066.002.243	8.465.164.485
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	80.627.197.542	91.331.029.920
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.262.924.493	1.262.924.493
II. Nợ dài hạn	330		15.264.200.000	19.442.536.979
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	15.264.200.000	19.442.536.979
B. Vốn chủ sở hữu	400		114.470.407.008	113.128.885.195
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	114.470.407.008	113.128.885.195
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		149.598.790.000	149.598.790.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		149.598.790.000	149.598.790.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.468.982.448	9.468.982.448
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		322.040.533	322.040.533
5. Cổ phiếu quỹ	415		(1.343.970.000)	(1.343.970.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.974.766.957	1.974.766.957
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(45.550.202.930)	(46.891.724.743)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(46.891.724.743)	(15.874.914.113)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.341.521.813	(31.016.810.630)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		350.900.655.037	326.407.619.823



Trần Thị Nguồn
 Người lập biểu
 Ngày 30 tháng 3 năm 2016



Trần Thị Nguồn
 Kế toán trưởng



Đương Công Phùng
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG ĐẠO CONTAINER
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	221.278.478.494	168.562.423.059
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	03		2.281.818	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		221.276.196.676	168.562.423.059
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.02	185.861.899.074	160.898.994.302
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.414.297.602	7.663.428.757
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	7.024.912.090	65.780.839
7 Chi phí tài chính	22	VI.04	12.413.025.354	15.212.278.056
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.380.003.704	15.054.338.960
8 Chi phí bán hàng	24	VI.05	5.236.002.377	5.757.948.309
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	15.301.709.341	19.991.239.590
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.488.472.620	(33.232.256.359)
11 Thu nhập khác	31	VI.07	1.077.208.412	5.109.518.962
12 Chi phí khác	32	VI.08	9.224.159.219	2.894.073.233
13 Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(8.146.950.807)	2.215.445.729
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.341.521.813	(31.016.810.630)
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	-	-
16 Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.341.521.813	(31.016.810.630)
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	91	(2.093)
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-



Trần Thị Nguồn
 Người lập biểu
 Ngày 30 tháng 3 năm 2016



Trần Thị Nguồn
 Kế toán trưởng



Dương Công Phùng
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG ĐẠO CONTAINER

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1,341,521,813	(31,016,810,630)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	9,716,281,314	14,315,003,099
Các khoản dự phòng	03	992,460,851	371,569,885
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	2,432,725
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	7,217,129,125	1,666,813,829
Chi phí lãi vay	06	12,380,003,704	15,054,338,960
Các khoản điều chỉnh khác			
3. Lợi nhuận từ kinh doanh trước khi thay đổi vốn lưu động	08	31,647,396,807	393,347,868
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(36,383,656,009)	27,270,769,176
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(23,534,179,859)	(20,003,856,324)
(Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	36,072,527,567	35,687,522,340
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	831,314,335	1,672,690,153
Tiền lãi vay đã trả	13	(12,380,003,704)	(15,019,145,193)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	1,961,155,190	(11,298,720)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	908,422,587
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(172,745,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1,785,445,672)	30,725,706,887
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1,539,010,909)	(12,247,991,768)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	15,043,227,272	-
Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	86,600,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,879,628	(59,474,114)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13,509,095,991	(12,220,865,882)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Trả tiền lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	104,152,310,039	110,256,052,040
Tiền trả nợ gốc vay	34	(119,034,479,396)	(136,575,310,068)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14,882,169,357)	(26,319,258,028)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3,158,519,039)	(7,814,417,023)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7,485,683,001	15,300,100,024
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4,327,163,962	7,485,683,001

Trần Thị Nguồn

Trần Thị Nguồn

Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Trần Thị Nguồn

Trần Thị Nguồn

Kế toán trưởng



Dương Công Phùng

Tổng Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301411035 ngày 30/10/2000 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 13 vào ngày 4/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh gần nhất (thay đổi lần thứ 13) ngày 4/12/2014 là 149.598.790.000 VND

Các cổ đông sáng lập bao gồm:

Stt	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ(%)
1	Trần Văn Hùng	1.062.500	10.625.000.000	7,10
2	Dương Công Phùng	62.500	625.000.000	0,42
3	Nguyễn Văn Trinh	62.500	625.000.000	0,42
4	Phan Văn Hiếu	31.250	312.500.000	0,21
5	Trần Thị Xuân Thảo	31.250	312.500.000	0,21
	Cộng	1.250.000	12.500.000.000	8,36

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán, cho thuê, vận tải hàng hóa bằng container.

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Sản xuất thiết bị điện khác, chi tiết: sản xuất máy lạnh, giàn lạnh, xe lạnh; Sửa chữa thiết bị điện, chi tiết: sửa chữa, lắp đặt máy lạnh, giàn lạnh, xe lạnh;
- Quảng cáo;
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không kinh doanh tại trụ sở);
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại, chi tiết: sản xuất container khô và lạnh, rơ móc các loại (không sản xuất tại trụ sở);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, chi tiết: cho thuê kho bãi;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác, chi tiết: sửa chữa xe cơ giới;

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: cho thuê rơ moóc, container.
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: kinh doanh vận tải bằng container;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, chi tiết: sửa chữa thùng container;
- Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: đại lý ký gửi hàng hóa, đại lý giao nhận, vận tải hàng hóa trong và ngoài nước;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: đại lý kinh doanh xăng, dầu và nhớt;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: mua bán rơ moóc, container, giàn lạnh, máy lạnh, xe lạnh và vật tư phụ tùng;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, chi tiết: mua bán xe cơ giới và phụ tùng, thiết bị vận tải và thiết bị chuyên dùng;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: mua bán sắt thép, phế liệu, kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở).

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** dưới 01 năm

5. **Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các chi nhánh như sau:

1. Chi nhánh Công ty cổ phần Hưng Đạo Container tại Bình Dương
2. Chi nhánh Công ty cổ phần Hưng Đạo Container tại Đà Nẵng
3. Chi nhánh Công ty cổ phần Hưng Đạo Container tại Nha Trang
4. Chi nhánh Công ty cổ phần Hưng Đạo Container tại Hà Nội
5. Chi nhánh Công ty cổ phần Hưng Đạo Container tại Hải Phòng
6. Chi nhánh Bãi Container Hưng Đạo Depot
7. Chi nhánh Container Hưng Đạo Quận 4 (tạm ngưng hoạt động từ ngày 01/01/2015)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục IV.2 dưới đây.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Áp dụng các hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành.

2. **Các ước tính kế toán:** Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Chi tiết thời gian khấu hao như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 10

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

12. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo quy chế lương của Công ty và theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5%, 1% và 2% tương ứng tiền lương cơ bản của người lao động. Tỷ lệ 23% sẽ được đưa vào phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Trái phiếu chuyển đổi

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi được xác định là khoản chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư

Doanh thu từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

20. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các chính sách tài chính và hoạt động của bên kia. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015
(Đơn vị tính: VND)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	4.264.645.472	6.783.017.579
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	62.518.490	702.665.422
Cộng	4.327.163.962	7.485.683.001

2. Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng	Cuối năm	Đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Các khoản phải thu Các khách hàng khác	23.830.958.962	12.668.362.782
Cộng	23.830.958.962	12.668.362.782
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
- Công ty CP Sài Gòn Chấn Phát	56.675.409.696	9.513.320.230
- Công ty DL&ĐT QT Tiên Hưng Đạo	3.187.032.571	1.914.881.000
Cộng	59.862.442.267	11.428.201.230
Tổng cộng	83.693.401.229	24.096.564.012

Toàn bộ khoản phải thu của khách hàng đã được Công ty thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng theo Thuyết minh số 15.

3. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Công ty TNHH TMDV Ngọc Lốp Ô Tô (chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)	380.800.000	-
- Các khoản trả trước người bán cho các khách hàng khác (còn lại)	308.658.821	967.884.171
Cộng	689.458.821	967.884.171
b) Trả trước cho người bán của khách hàng là các bên liên quan		
- Công ty CP Sài Gòn Chấn Phát	23.900.000	5.005.620.947
Cộng	23.900.000	5.005.620.947
Tổng cộng	713.358.821	5.973.505.118

4. Phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan				
Ông Dương Công Phùng	1.051.000.000	-	4.000.000.000	-
Bà Dương Thị Hà	-	-	4.000.000.000	-
Ông Trần Văn Hùng	3.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác đối tượng khác				
Phải thu khác Công ty CP Hàng Hải Vsico	812.098.561	-	-	-
Phải thu tạm ứng	401.647	-	-	-
Phải thu khác	292.585.584	-	1.172.129.194	-
Cộng	5.156.085.792	-	18.172.129.194	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: VND)

4. Phải thu khác (tiếp theo)

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	1.061.861.000	-	1.061.861.000	-
Phải thu khác	150.000.000	-	150.000.000	-
Cộng (*)	1.211.861.000	-	1.211.861.000	-

(*) Bao gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ cho Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.061.861.000	1.061.861.000
Chi phí đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH SX Thiết Bị Viễn Thông	150.000.000	150.000.000
Cộng	1.211.861.000	1.211.861.000

5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV VTB Container Vinalines	1.947.218.641	1.947.218.641	1.947.218.641	1.255.057.790
XNDVVT và TM Đường Sắt	81.640.125	81.640.125	81.640.125	81.640.125
Công ty TNHH MTV Hồng Ngọc Hà	72.050.000	72.050.000	72.050.000	72.050.000
Công ty Tân Phục Hưng	45.593.840	45.593.840	45.593.840	45.593.840
Công ty Kinh Doanh Á Việt	47.000.000	47.000.000	47.000.000	47.000.000
Công ty dịch vụ Thông Tin	15.410.000	15.410.000	15.410.000	15.410.000
Công ty Mạnh Cường An	18.100.000	18.100.000	18.100.000	18.100.000
Công ty TNHH Tiếp Vận Nhật Linh	300.300.000	300.300.000	-	-
Công ty Sông Đà Thăng Long	19.400.000	19.400.000	19.400.000	19.400.000
Cộng	2.546.712.606	2.546.712.606	2.246.412.606	1.554.251.755

6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	27.989.474.470	-	35.160.287.169	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	24.696.587	-	35.875.324	-
Chi phí sản xuất dở dang	783.471.282	-	3.485.926.483	-
Thành phẩm tồn kho	88.957.741.207	-	63.340.163.656	-
Hàng hóa	94.829.265.116	-	87.890.925.501	-
Cộng	212.584.648.662	-	189.913.178.133	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	212.584.648.662	-	189.913.178.133	-

Toàn bộ hàng tồn kho đã được Công ty thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng theo Thuyết minh số 15.

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: VND)

7. Chi phí trả trước

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	19.113.611	133.993.940
	-	-
Cộng	19.113.611	133.993.940
Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa	770.262.390	742.405.623
Chi phí trả trước tiền thuê đất	187.309.655	478.583.636
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	453.016.792
Cộng	957.572.045	1.674.006.051

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá					
Đầu năm	30.588.153.958	15.334.790.317	24.135.235.404	15.590.147.017	85.648.326.696
Tăng trong kỳ	-	-	1.539.010.909	6.400.212.881	7.939.223.790
+ Chuyển từ hàng tồn kho				6.400.212.881	6.400.212.881
+ Do mua mới			1.539.010.909	-	1.539.010.909
Giảm	8.345.102.283	-	12.919.880.847	8.834.277.077	30.099.260.207
+ Thanh lý, nhượng bán	8.345.102.283		12.829.396.375	8.834.277.077	30.008.775.735
+ Do phân loại			90.484.472	-	90.484.472
Cuối năm	22.243.051.675	15.334.790.317	12.754.365.466	13.156.082.821	63.488.290.279
Giá trị hao mòn lũy kế					
Đầu năm	13.361.073.054	12.189.305.945	12.603.792.329	5.693.681.307	43.847.852.635
Tăng	1.375.447.337	1.074.267.191	2.895.169.165	1.803.100.485	7.147.984.178
+ Khấu hao trong năm	1.375.447.337	1.074.267.191	2.895.169.165	1.803.100.485	7.147.984.178
Giảm	3.725.688.868	-	5.373.845.624	2.512.037.639	11.611.572.131
+ Thanh lý, nhượng bán	3.725.688.868		5.373.845.624	2.512.037.639	11.611.572.131
Cuối năm	11.010.831.523	13.263.573.136	10.125.115.870	4.984.744.153	39.384.264.682
Giá trị còn lại					
Đầu năm	17.227.080.904	3.145.484.372	11.531.443.075	9.896.465.710	41.800.474.061
Cuối năm	11.232.220.152	2.071.217.181	2.629.249.596	8.171.338.668	24.104.025.597

9. Tài sản thuê tài chính

	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Phương tiện vận tải			
Số đầu năm	19.399.321.024	5.845.751.707	13.553.569.317
Tăng	-	1.981.323.280	
Giảm do thanh lý	1.452.799.722	1.063.871.011	
Số cuối năm	17.946.521.302	6.763.203.976	11.183.317.326

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: VND)

10. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	19.918.894.887	3.826.077.315	16.092.817.572
Tăng	-	586.973.856	
Giảm do chuyển nhượng	10.727.725.552	1.801.602.763	
Số cuối năm	9.191.169.335	2.611.448.408	6.579.720.927

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất của hai khu đất như sau:

Quyền sử dụng 9.946 m² và 5.653,9 m² đất tại ấp Ngãi Thắng, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương có nguyên giá là 2.499.000.000 đồng bao gồm các chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng để có đất sạch tại địa chỉ này. Theo quyết định số 2614/QĐ/CT ngày 23/07/2001 của UBND tỉnh Bình Dương, về việc thu hồi đất của Ông Trần Văn Hùng, cho thuê và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container. Theo đó, Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với Sở Địa chính tỉnh Bình Dương ngày 02/08/2001 để thuê lô đất này trong thời gian 30 năm kể từ tháng 07/2001 để làm bến bãi container. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 1.298.091.670 đồng.

Công ty thuê 3.000 m² đất tại Khu công nghiệp Hà Nội – Đài Tư (Thành phố Hà Nội) với thời gian thuê là 39 năm (từ tháng 8/2007 đến tháng 8/2045) để làm bến bãi container với nguyên giá là 6.692.169.335 đồng. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 5.281.629.257 đồng

Các quyền sử dụng đất nêu trên đã được Công ty thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng theo Thuyết minh số 15.

11. Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Hồng Phúc (chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả)	20.481.133.220	20.481.133.220	15.851.779.230	15.851.779.230
Macao Commercial Offshore Ltd (chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả)	14.224.171.105	14.224.171.105	10.101.172.958	10.101.172.958
Phải trả cho các đối tượng khác (còn lại)	31.373.963.143	31.373.963.143	29.541.320.233	29.541.320.233
Cộng	66.079.267.468	66.079.267.468	55.494.272.421	55.494.272.421
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty CP Sài Gòn Chấn Phát	37.475.227.307	37.475.227.307	9.281.014.231	9.281.014.231
Công ty TNHH DL & ĐT QT Tiên Hưng Đạo	137.300.000	137.300.000	9.900.000	9.900.000
Cộng	37.612.527.307	37.612.527.307	9.290.914.231	9.290.914.231
Tổng cộng	103.691.794.775	103.691.794.775	64.785.186.652	64.785.186.652

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG ĐẠO CONTAINER
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: VND)

12. Người mua trả tiền trước

a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
DNTN Đại An (chiếm từ 10% trở lên trên tổng số người mua trả trước)	100.000.000	100.000.000	-	-
Công ty TNHH Khang Trung Hiếu (chiếm từ 10% trở lên trên tổng số người mua trả trước)	180.000.000	180.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV TMDV Nhất Tín Phát (chiếm từ 10% trở lên trên tổng số người mua trả trước)	113.700.000	113.700.000	-	-
Công ty cổ phần hóa dầu Quân Đội (chiếm từ 10% trở lên trên tổng số người mua trả trước)	112.750.000	112.750.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác (còn lại)	319.464.799	319.464.799	3.149.066.544	3.149.066.544
Cộng	825.914.799	825.914.799	3.149.066.544	3.149.066.544
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Sài Gòn Chấn Phát	144.582.000	144.582.000	15.500.000	15.500.000
Công ty TNHH DL & ĐT QT Tiên Hưng Đạo	4.559.500	4.559.500	2.245.000	2.245.000
Cộng	149.141.500	149.141.500	17.745.000	17.745.000
Tổng cộng	975.056.299	975.056.299	3.166.811.544	3.166.811.544

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.118.720.578	2.770.810.299	4.324.528.507	7.565.002.370
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.225.323.315	113.252.975	2.504.632.858	3.833.943.432
Thuế thu nhập cá nhân	1.269.054.298	132.294.784	290.905.145	1.110.443.937
Thuế nhà thầu	922.107.500	283.641.839	257.297.302	948.452.037
Tiền thuê đất	-	273.711.000	-	273.711.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.350.157.707	98.191.766	91.818.763	3.356.530.710
Cộng	20.885.363.398	3.671.902.663	7.469.182.575	17.088.083.486

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	459.257.621	326.268.629
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	5.056.515.279	3.753.809.967
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.868.910.500	3.763.721.100
Công ty TNHH cho thuê Tài Chính Quốc Tế VN	105.879.486	106.129.000
Phạt chậm nộp bảo hiểm	-	305.127.919
Phải trả Bà Trần Thị Xuân Thảo	1.528.357.613	-
Phải trả Ông Trần Văn Hùng	3.500.000.000	-
Phải trả Bà Đặng Ngọc Liên	700.000.000	-
Phải trả Bà Dương Thị Hà	700.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	147.081.744	210.107.870
Cộng	15.066.002.243	8.465.164.485

**CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: VND)

15. Vay và nợ thuê tài chính

15.1) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số dư có khả năng trả nợ	Giá trị	Số dư có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	76.308.360.563	76.308.360.563	85.895.860.465	85.895.860.465
a) Ngân hàng TNHH Indovina- Chợ Lớn	11.993.243.467	11.993.243.467	11.986.283.452	11.986.283.452
b) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	15.477.158.089	15.477.158.089	15.497.031.632	15.497.031.632
c) Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM Phòng giao dịch Quang Vinh -Chi nhánh Đồng Nai (Trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Á)	33.265.233.120	33.265.233.120	39.653.140.246	39.653.140.246
d) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín Phòng giao dịch Nguyễn Tri Phương -Chi nhánh TPHCM	7.999.536.316	7.999.536.316	7.999.292.000	7.999.292.000
e) Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-	794.923.627	794.923.627
f) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB)- CN Đồng Nai- PGD Long Bình Tân	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
g) Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Long Biên	2.698.271.803	2.698.271.803	3.222.641.765	3.222.641.765
h) Ngân hàng TNHH Indovina - CN Hải Phòng	4.374.917.768	4.374.917.768	6.242.547.743	6.242.547.743
Vay dài hạn đến hạn trả	2.533.856.803	2.533.856.803	2.798.800.000	2.798.800.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.784.980.176	1.784.980.176	2.636.369.455	2.636.369.455
Cộng	80.627.197.542	80.627.197.542	91.331.029.920	91.331.029.920

a) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 164/1015/CL/6252282 ngày 22 tháng 10 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 12.000.000.000 đồng, thời hạn vay là không quá 06 tháng, lãi suất của mỗi khoản vay được căn cứ vào lãi suất trên thị trường tiền tệ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty và được đảm bảo bởi các tài sản thuộc sở hữu của Ông Trần Văn Hùng cùng vợ là Bà Dương Thị Hằng, chi tiết như sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại số 5 và 7 đường Nam Hòa, Phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị là 8.349.500.000 đồng.

+ Quyền sử dụng đất với diện tích 351 m2 tọa lạc tại đường số 6D, Phường Phước Bình, Quận 9, TPHCM trị giá 8.299.450.000 đồng.

+ Tài sản gắn liền với đất (hình thành trong tương lai) tọa lạc tại đường số 6D, Phường Phước Bình, Quận 9, TPHCM trị giá ước tính 4.000.000.000 đồng.

b) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 99/2015/HĐTDHM-DN ngày 18 tháng 12 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 15.500.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức là 12 tháng, thời hạn cho vay và trả nợ của từng lần nhận vốn được ghi trên giấy nhận nợ, lãi suất là 11%/năm. Khoản vay này nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty và được đảm bảo bởi các tài sản chi tiết như sau:

+ 06 quyền sử dụng đất của Ông Trần Văn Hùng và vợ là Bà Dương Thị Hằng tại Phường Bình Thẳng, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với tổng giá trị tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 131/HĐBĐ-2011 ngày 05/12/2011 là 40.593.000.000 đồng.

c) Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM Phòng giao dịch Quang Vinh -Chi nhánh Đồng Nai (Trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Á) theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 0078/2014/HĐTDHM-DN ngày 16/6/2014 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0078/2014/HĐTDHM-DN/PL2 ngày 05 tháng 8 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức là 12 tháng, lãi suất là 11,75%/năm. Khoản vay này nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty và được đảm bảo bởi các tài sản có tổng giá trị là 106.712.000.000 đồng, chi tiết như sau:

+ Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và công trình trên đất thuộc sở hữu của Công ty tại Phường Bình An, Huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương với giá trị bảo đảm là 18.447.000.000 đồng.

+ Tài sản 2: 02 dây chuyền sản xuất container của Công ty với giá trị bảo đảm là 660.000.000 đồng.

+ Tài sản 3: Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển của Công ty với giá trị bảo đảm là 77.778.000.000 đồng được trình bày tại Thuyết Minh số V.06.

+ Tài sản 4: Toàn bộ khoản phải thu luân chuyển được trình bày tại Thuyết Minh số V.02

+ Tài sản 5: là 2.431.608 cổ phần của Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container thuộc sở hữu của Ông Trần Văn Hùng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: VND)

15.1) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

d) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín Phòng giao dịch Nguyễn Tri Phương -Chi nhánh TPHCM theo hợp đồng hạn mức tín dụng số PNTD.DN.01090715 ngày 31 tháng 7 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 8.500.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức là 12 tháng, lãi suất từ 9%/năm đến 10%/năm. Khoản vay này nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty và được đảm bảo bằng 01 bất động sản thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Hoàng tọa lạc tại số 62 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị tài sản là 8.977.000.000 đồng và một xe ô tô hiệu TOYOTA CAMRY biển kiểm soát số 56N-5002 do Ông Trần Văn Hùng làm chủ sở hữu trị giá 657.000.000 đồng.

f) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB)- Chi nhánh Đồng Nai-PGD Long Bình Tân theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 149/2015/HĐTDHM-PN/SHB 130405 ngày 20 tháng 7 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 500.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức là 12 tháng, lãi suất 11%/năm. Khoản vay này nhằm bổ sung vốn kinh doanh của Công ty và được đảm bảo bằng tài sản của Công ty gồm 01 chiếc xe hiệu Toyota Hiace, theo Giấy đăng ký xe số 014356 và 01 chiếc xe ô tô con hiệu Toyota Fortuner, theo Giấy đăng ký xe số 011992 có tổng trị giá là 1.327.000.000 đồng.

g) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 12/2015/HĐTDHM ngày 13 tháng 5 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 2.700.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức là 12 tháng, lãi suất từ 12,14%/năm đến 12,72%/năm. Khoản vay này nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty và được đảm bảo bằng tài sản của Công ty, chi tiết như sau:

+ Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê lại đất Khu CN số 23/HĐTLĐ-HNĐT ngày 24/8/2007 chủ sở hữu là Chi nhánh Công ty CP Hưng Đạo Container tại Hà Nội.

+ Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê lại đất Khu CN số 34/HĐTLĐ-HNĐT ngày 27/9/2007 chủ sở hữu là Chi nhánh Công ty CP Hưng Đạo Container tại Hà Nội.

h) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Indovina Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 17CL/IVB HP-CR/2015 ngày 01 tháng 6 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 200.000 USD, thời hạn của hạn mức là đến ngày 17/5/2016, lãi suất 11,5%/năm. Khoản vay này nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty và được đảm bảo bằng tài sản của Công ty là toàn bộ container tại bãi của Công ty và tại bãi của khách hàng (container cho thuê ngoài) với tổng giá trị bình quân: 1.200.000 USD và xe đầu kéo, rơ moóc cũ của Công ty được tài trợ bởi vốn vay của ngân hàng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay trong năm	Chuyển từ nợ dài hạn sang	Số tiền vay trả trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	85.895.860.465	104.152.310.039	-	(113.739.809.941)	76.308.360.563
Vay dài hạn đến hạn trả	2.798.800.000	-	2.393.356.803	(2.658.300.000)	2.533.856.803
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	2.636.369.455	-	1.784.980.176	(2.636.369.455)	1.784.980.176
Cộng	91.331.029.920	104.152.310.039	4.178.336.979	(119.034.479.396)	80.627.197.542

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: VND)

15.2) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số dư có khả năng trả nợ	Giá trị	Số dư có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	17.798.056.803	17.798.056.803	20.456.356.803	20.456.356.803
a) Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM Phòng giao dịch Quang Vinh -Chi nhánh Đồng Nai (Trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Á)	17.369.000.000	17.369.000.000	19.473.800.000	19.473.800.000
b) Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	-	-	132.000.000	132.000.000
c) Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	429.056.803	429.056.803	850.556.803	850.556.803
Nợ thuê tài chính	1.784.980.176	1.784.980.176	4.421.349.631	4.421.349.631
d) Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	1.784.980.176	1.784.980.176	4.421.349.631	4.421.349.631
Trừ nợ thuê tài chính đến hạn trả	(1.784.980.176)	(1.784.980.176)	(2.636.369.455)	(2.636.369.455)
Trừ vay dài hạn đến hạn trả	(2.533.856.803)	(2.533.856.803)	(2.798.800.000)	(2.798.800.000)
Cộng	15.264.200.000	15.264.200.000	19.442.536.979	19.442.536.979

a) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM Phòng giao dịch Quang Vinh -Chi nhánh Đồng Nai (Trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Á) theo thỏa thuận vay HM12/0104/HCM ngày 11 tháng 3 năm 2014, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Khoản vay này nhằm bổ sung vốn kinh doanh của Công ty và được đảm bảo bằng các tài sản như Thuyết minh tại 16.1c.

c) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo hợp đồng vay 39/09/LB ngày 02 tháng 6 năm 2009, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất 15,05%/năm. Khoản vay này nhằm bổ sung vốn kinh doanh của Công ty và được đảm bảo bằng các tài sản là giá trị quyền sử dụng 02 lô đất tại lô D8-6 và lô D8-2 thuộc Khu Công nghiệp Hà Nội - Đài Tư, 386 Nguyễn Văn Linh, Long Biên, Hà Nội và toàn bộ tài sản gắn liền với đất trị giá 8.080.000.000 đồng.

d) Nợ phải trả thuê tài chính từ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày bắt đầu	Ngày đáo hạn	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
2013-00088-000	31/7/2013	15/7/2016	269.472.258	673.196.124
2013-00090-000	31/7/2013	15/7/2016	585.563.438	1.462.853.738
2013-00096-000 VILC	07/8/2013	10/7/2016	222.244.843	563.069.005
2013-00097-000 VILC	09/8/2013	05/7/2016	254.278.496	651.411.310
2013-00113-000	13/9/2013	10/8/2016	453.421.141	1.070.819.454
Cộng			1.784.980.176	4.421.349.631

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay trong năm	Chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay trả trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	20.456.356.803	-	(2.533.856.803)	(2.658.300.000)	15.264.200.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	4.421.349.631	-	(1.784.980.176)	(2.636.369.455)	-
Cộng	24.877.706.434	-	(4.318.836.979)	(5.294.669.455)	15.264.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG ĐẠO CONTAINER

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: VND)

15.2) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	2.533.856.803	10.524.000.000	4.740.200.000	17.798.056.803
Nợ thuê tài chính	1.784.980.176	-	-	1.784.980.176
Cộng	4.318.836.979	10.524.000.000	4.740.200.000	19.583.036.979
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	2.666.800.000	10.987.956.803	6.669.600.000	20.324.356.803
Nợ thuê tài chính	2.636.369.455	1.784.980.176	-	4.421.349.631
Cộng	5.303.169.455	12.772.936.979	6.669.600.000	24.745.706.434

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Năm trước				
Vốn góp của chủ sở hữu	149.598.790.000	-	-	149.598.790.000
Thặng dư vốn cổ phần	9.468.982.448	-	-	9.468.982.448
Vốn khác của chủ sở hữu	322.040.533	-	-	322.040.533
Cổ phiếu quỹ	(1.343.970.000)	-	-	(1.343.970.000)
Quỹ đầu tư phát triển	899.125.527	-	-	899.125.527
Quỹ dự phòng tài chính	1.075.641.430	-	-	1.075.641.430
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(15.874.914.113)	(31.016.810.630)	-	(46.891.724.743)
Cộng	144.145.695.825	(31.016.810.630)	-	113.128.885.195
Năm nay				
Vốn góp của chủ sở hữu	149.598.790.000	-	-	149.598.790.000
Thặng dư vốn cổ phần	9.468.982.448	-	-	9.468.982.448
Vốn khác của chủ sở hữu	322.040.533	-	-	322.040.533
Cổ phiếu quỹ	(1.343.970.000)	-	-	(1.343.970.000)
Quỹ đầu tư phát triển	899.125.527	1.075.641.430	-	1.974.766.957
Quỹ dự phòng tài chính	1.075.641.430	-	1.075.641.430	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(46.891.724.743)	1.341.521.813	-	(45.550.202.930)
Cộng	113.128.885.195	2.417.163.243	1.075.641.430	114.470.407.008

b) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.959.879	14.959.879
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.959.879	14.959.879
+ Cổ phiếu phổ thông	14.959.879	14.959.879
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	140.000	140.000
+ Cổ phiếu phổ thông	140.000	140.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.819.879	14.819.879
+ Cổ phiếu phổ thông	14.819.879	14.819.879
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng trên mỗi cổ phần

17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại		
USD	697,40	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: VND)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Doanh thu:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	161.168.359.443	50.497.657.084
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.110.119.051	118.064.765.975
Cộng	221.278.478.494	168.562.423.059

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Sài Gòn Chấn Phát	58.486.677.152	17.202.480.532
Công ty TNHH Du lịch và Đầu tư Quốc tế Tiên Hưng Đạo	1.882.843.641	-
Cộng	60.369.520.793	17.202.480.532

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	134.707.901.181	31.814.168.658
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	51.153.997.893	129.084.825.644
Cộng	185.861.899.074	160.898.994.302

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	4.879.628	-
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phiếu (*)	7.020.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	32.462	-
- Thu nhập tài chính khác	-	65.780.839
Cộng	7.024.912.090	65.780.839

(*) Doanh thu hoạt động tài chính từ bên liên quan

Trong kỳ Công ty có mua 675.000 cổ phiếu của Công ty Cổ Phần Sài Gòn Chấn Phát với giá 5.000 đồng/cổ phiếu và sau đó bán lại với giá 15.400 đồng/cổ phiếu. Lãi Công ty thu được từ hoạt động tài chính này là 7.020.000.000 đồng. Tính đến thời điểm lập báo cáo này khoản công nợ còn phải thu từ hoạt động này là 6.920.000.000 đồng.

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	12.380.003.704	15.054.338.960
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	155.506.371
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.021.650	2.432.725
Cộng	12.413.025.354	15.212.278.056

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	3.728.851.106	4.023.682.478
- Chi phí vật liệu bao bì	48.000	13.112.742
- Chi phí công cụ, dụng cụ	16.343.899	16.721.048
- Chi phí khấu hao TSCĐ	644.208.043	905.489.285
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	656.631.375	355.810.043
- Các khoản chi phí bằng tiền khác	189.919.954	443.132.713
Cộng	5.236.002.377	5.757.948.309

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	8.350.250.742	11.006.363.501
- Chi vật liệu quản lý	306.579.834	394.400.946
- Chi phí đồ dùng văn phòng	391.016.532	430.511.335
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.451.427.040	3.195.359.477
- Thuế, phí và lệ phí	328.463.244	263.674.102
- Chi phí dự phòng	992.460.854	371.569.885
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.474.228.267	1.509.886.891
- Các khoản chi phí bằng tiền khác	1.007.282.828	2.819.473.453
Cộng	15.301.709.341	19.991.239.590

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
7. Thu nhập khác		
- Thu thanh lý tài sản	-	3.677.045.455
- Thu phạt hợp đồng	815.498.561	1.329.740.493
- Xử lý công nợ	175.787.670	88.653.186
- Các khoản thu nhập khác	85.922.181	14.079.828
Cộng	1.077.208.412	5.109.518.962
8. Chi phí khác		
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	7.222.008.753	2.069.705.740
- Phạt chậm nộp bảo hiểm	17.510.706	120.989.103
- Phạt chậm nộp thuế	775.967.328	317.286.908
- Thuế truy thu	146.318.763	-
- Phạt chậm thanh toán lãi vay	737.477.026	380.091.482
- Các khoản chi phí khác	324.876.643	6.000.000
Cộng	9.224.159.219	2.894.073.233
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	1.341.521.813	(31.016.810.630)
- Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Truy thu và phạt vi phạm hành chính	1.846.115.061	438.276.011
+ Chi phí không có chứng từ hợp lệ	162.687.201	386.050.533
+ Lỗ CLTG chưa thực hiện khoản phải thu	-	2.432.725
- Chuyển lỗ	(3.350.324.075)	-
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	-	(30.190.051.361)
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.559.461.838	49.443.373.500
- Chi phí nhân công	20.695.514.767	26.722.882.990
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.716.281.314	14.315.003.099
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.696.215.337	36.757.410.035
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	198.002.388	371.569.885
- Chi phí khác bằng tiền	1.458.795.364	10.811.404.936
Cộng	67.324.271.008	138.421.644.445
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.341.521.813	(31.016.810.630)
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.341.521.813	(31.016.810.630)
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	14.819.879	14.819.879
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	91	(2.093)

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: VND)

12. Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:

+ Rủi ro lãi suất

+ Rủi ro tiền tệ

+ Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HDQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

+ Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;

+ Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;

+ Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;

+ Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HDQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.327.163.962	7.485.683.001
Phải thu khách hàng	83.901.314.585	24.096.564.012
Phải thu khác	6.367.946.792	19.383.990.194
Cộng	94.596.425.339	50.966.237.207
Dự phòng các khoản phải thu khách hàng	(2.546.712.606)	(1.554.251.755)
Cộng	92.049.712.733	49.411.985.452
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	95.891.397.542	110.773.566.899
Phải trả người bán	103.691.794.775	64.785.186.652
Phải trả khác	3.121.871.730	4.079.957.970
Chi phí phải trả	852.135	129.520.734
Cộng	202.705.916.182	179.768.232.255

Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.327.163.962	7.485.683.001
Phải thu khách hàng	83.901.314.585	24.096.564.012
Phải thu khác	6.367.946.792	19.383.990.194
Cộng	94.596.425.339	50.966.237.207

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu.

Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp.

Các tài sản sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và do đó không có những rủi ro về tín dụng.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015
 (Đơn vị tính: VND)

12. Công cụ tài chính (tiếp theo)
Công nợ tài chính
Tại ngày 31/12/2015

	Từ 01 năm trở xuống	Từ trên 01 đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Các khoản vay	80.627.197.542	10.524.000.000	4.740.200.000	95.891.397.542
Phải trả người bán	103.691.794.775	-	-	103.691.794.775
Phải trả khác	3.121.871.730	-	-	3.121.871.730
Chi phí phải trả	852.135	-	-	852.135
Cộng	187.441.716.182	10.524.000.000	4.740.200.000	202.705.916.182

Tại ngày 31/12/2014

	Từ 01 năm trở xuống	Từ trên 01 đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Các khoản vay	91.331.029.920	12.772.936.979	6.669.600.000	110.773.566.899
Phải trả người bán	64.785.186.652	-	-	64.785.186.652
Phải trả khác	4.079.957.970	-	-	4.079.957.970
Chi phí phải trả	129.520.734	-	-	129.520.734
Cộng	160.325.695.276	12.772.936.979	6.669.600.000	179.768.232.255

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

13. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chính yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container là sản xuất, bán container, rơ móc và các dịch vụ khác liên quan đến container như: cho thuê, vận chuyển, sửa chữa,... nên tính chất của hàng hóa, dịch vụ; Quy trình sản xuất; Kiểu hoặc nhóm khách hàng sử dụng hàng hóa, dịch vụ; Điều kiện của môi trường pháp lý có rủi ro và lợi ích kinh tế tương đồng nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận thứ yếu - theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

14. Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan

Công ty CP Sài Gòn Chấn Phát
 Công ty TNHH DL & ĐT QT Tiên Hưng Đạo
 Ông Trần Văn Hùng
 Ông Dương Công Phùng
 Bà Trần Thị Xuân Thảo
 Bà Dương Thị Hằng

Mối quan hệ

Do Ông Trần Văn Hùng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Liên quan tới Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc
 Thành viên Hội Đồng Quản trị, Tổng Giám đốc
 Thành viên Hội Đồng Quản trị
 Thành viên Hội đồng Quản trị, Vợ Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngoài các thông tin về giao dịch và số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Mua hàng

	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Sài Gòn Chấn Phát	65.862.839.988	12.044.699.998
Công ty TNHH DL& ĐT QT Tiên Hưng Đạo	1.008.181.819	-
Cộng	66.871.021.807	12.044.699.998

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
	1.678.633.602	1.404.914.611

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: VND)

14. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

Thu tiền cho mượn	Năm nay	Năm trước
Ông Trần Văn Hùng	-	11.000.000.000
Ông Dương Công Phùng	4.000.000.000	10.000.000.000
Bà Dương Thị Hà	4.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	8.000.000.000	23.000.000.000

Cho tạm ứng tiền	Năm nay	Năm trước
Ông Trần Văn Hùng	-	3.000.000.000
Ông Dương Công Phùng	1.051.000.000	4.000.000.000
Bà Dương Thị Hà	-	4.000.000.000
Cộng	1.051.000.000	11.000.000.000

Cho Công ty mượn tiền	Năm nay
Ông Trần Văn Hùng	3.500.000.000
Ông Dương Công Phùng	434.000.000
Bà Dương Thị Hà	2.631.000.000
Bà Trần Thị Xuân Thảo	1.528.357.612
Cộng	8.093.357.612

Công ty trả tiền mượn	Năm nay
Ông Trần Văn Hùng	-
Ông Dương Công Phùng	434.000.000
Bà Dương Thị Hà	1.931.000.000
Bà Trần Thị Xuân Thảo	-
Cộng	2.365.000.000

Các khoản công nợ với các Bên liên quan tính đến ngày 31/12/2015 như sau:

Phải thu khách hàng	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Sài Gòn Chấn Phát	56.675.409.696	9.513.320.230
Công ty TNHH Du lịch và Đầu tư Quốc tế Tiên Hưng Đạo	3.187.032.571	2.041.335.916
Cộng	59.862.442.267	11.554.656.146

Trả trước người bán	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Sài Gòn Chấn Phát	23.900.000	5.005.620.947
Cộng	23.900.000	5.005.620.947

Phải trả người bán	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Sài Gòn Chấn Phát	37.475.227.307	9.281.014.231
Công ty TNHH Du lịch và Đầu tư Quốc tế Tiên Hưng Đạo	137.300.000	9.900.000
Cộng	37.612.527.307	9.290.914.231

Người mua trả trước	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Sài Gòn Chấn Phát	144.582.000	15.500.000
Công ty TNHH Du lịch và Đầu tư Quốc tế Tiên Hưng Đạo	4.559.500	2.245.000
Cộng	149.141.500	17.745.000

Phải thu khác	31/12/2015	01/01/2015
Ông Dương Công Phùng	1.051.000.000	4.000.000.000
Bà Dương Thị Hà	-	4.000.000.000
Cộng	1.051.000.000	8.000.000.000

Phải trả khác	31/12/2015	01/01/2015
Ông Trần Văn Hùng	3.500.000.000	-
Bà Trần Thị Xuân Thảo	1.528.357.613	-
Bà Dương Thị Hà	700.000.000	-
Cộng	5.728.357.613	-

Phải thu tạm ứng	31/12/2015	01/01/2015
Ông Trần Văn Hùng	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015
(Đơn vị tính: VND)

15. Những sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Số liệu so sánh

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

Trần Thị Nguồn
Kế toán trưởng
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Trần Thị Nguồn
Kế toán trưởng



Dương Công Phùng
Tổng Giám đốc



Công ty Kiểm toán DFK Việt Nam - Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế DFK
DFK Vietnam Auditing Company - A Member of DFK International

Ho Chi Minh Office

45 Bach Dang, Tan Binh Dist.
T. 84 8 3547 1242
F. 84 8 3547 1450
Web: www.dfkvietnam.com

Hanoi Office

91 Nguyen Chi Thanh St., Dong Da
T. 84 4 6266 3006
F. 84 4 6266 3066

Rep. Office in Ho Chi Minh

285/24 CMTT St., Dist. 10
T. 84 8 3868 3306
F. 84 8 3868 3378

Binh Duong Office

127 Huynh Van Luy St.,
T. 0650 389 7292
F. 0650 389 7149